

Số: /ĐA-CĐSP

Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2024

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024
Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên.

2. Mã trường: C62.

3. Địa chỉ: Tổ dân phố 12, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.cdspdienbien.edu.vn/>

5. Địa chỉ trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh: Fanpage “Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên”.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02153.828.702, 0972.527.985.

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của nhà trường: <http://cdspdienbien.edu.vn/category/t-h-v-l-s-v/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp xác định theo ngành đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm (sinh viên đã tốt nghiệp năm 2023).

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Ngành Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	220	223	176	91.5%
Tổng:		220	223	176	

8. Thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên:

Đường link 1: Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022: <http://cdspdienbien.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2022/>.

Đường link 2: Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023: <http://cdspdienbien.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2023-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non/>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2022; 2023 trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên tuyển sinh theo 02 phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12, trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát) trước khi xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên							
Ngành Giáo dục Mầm non: - Tổ hợp 1: Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát - Tổ hợp 2: Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát - Tổ hợp 3: Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát - Tổ hợp 4: Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát	Kết quả học tập lớp 12	150	164	19.5	80	77	24
	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	150	83	17	70	73	22
Tổng:		300	247		150	150	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường: <http://cdspdienbien.edu.vn/cac-nganh-dao-tao-cao-dang-cua-truong-cdsp-dien-bien/>

Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Giáo dục Mầm non	51140201	6144/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	05/11/2003	31/QĐ-BGD&ĐT	05/01/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2023

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên: <http://cdspdienbien.edu.vn/17294-2/>

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
4	Đại học vừa làm vừa học		
5	Từ xa		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy	51140201	613
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ CĐ		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
7.1	Chính quy		
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ CĐ		

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Tổng diện tích đất của trường: 3,3 ha.

Số chỗ ở khu nội trú cho sinh viên: 776.

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 14,8 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV	50	7.809
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1.710
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	300
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	7	1.500
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	27	2.355
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	14	1.944
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.189
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	2.301
	Tổng:	53	11.299

10.2.2. Các thông tin khác

a. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các thiết bị

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính
1	Phòng học Âm nhạc	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa, tai nghe - Đàn Organ, chân đàn, giá đàn, nguồn Adapter
2	Phòng học múa	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa - Gương, gióng múa
3	Phòng học Mỹ thuật	- Máy chiếu - Giá vẽ, khung treo tranh - Hệ thống tượng giải phẫu cơ thể người, tượng chân dung, hệ thống khối cơ bản...
4	Phòng thực hành dinh dưỡng	- Bếp, tủ lạnh, máy xay, lò vi sóng - Dụng cụ nấu ăn: chảo, nồi, bát, đĩa, cân...
5	Phòng thực hành tin học	- Máy tính, máy chiếu, tai nghe - Tủ mạng, hệ thống mạng - Điều hòa nhiệt độ - Ổn áp Lioa
6	Phòng học Ngoại ngữ	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa, tai nghe, mic - Tủ mạng, hệ thống mạng - Điều hòa nhiệt độ; Ổn áp Lioa

b. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Lĩnh vực	Số lượng
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Ngành Giáo dục Mầm non)	262 đầu sách ; 9324 quyển

10.3. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Hà Thị Quỳnh		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
2	Phan Vũ Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
3	Tạ Thị Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
4	Vũ Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
5	Phạm Thị Thu Phương		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
6	Đoàn Thị Hằng Nga		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
7	Nguyễn Thị Hồng Thúy		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
8	Hoàng Thị Thảo		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
10	Tổng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
11	Lê Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
12	Hà Thị Thoan		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
13	Nguyễn Quỳnh Dương		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
14	Đinh Thanh Hương		Thạc sĩ	Lý luận Văn học	Giáo dục Mầm non	
15	Nguyễn Thị Nghĩa		Thạc sĩ	Văn học Trung Quốc	Giáo dục Mầm non	
16	Phạm Lan Anh		Thạc sĩ	Văn học VN hiện đại	Giáo dục Mầm non	
17	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Văn học Dân gian	Giáo dục Mầm non	
18	Phan Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Văn học VN trung đại	Giáo dục Mầm non	
19	Nguyễn Thị Nguyệt Nga		Thạc sĩ	Văn học VN Trung đại	Giáo dục Mầm non	
20	Cầm Thị Phụng		Thạc sĩ	Văn học Phương Tây	Giáo dục Mầm non	
21	Nguyễn Thị Minh Châu		Thạc sĩ	Văn học VN Hiện đại	Giáo dục Mầm non	
22	Nguyễn Thị Thuỳ Liên		Thạc sĩ	Lý luận Văn học	Giáo dục Mầm non	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
23	Cao Thanh Nga		Thạc sĩ	Lý luận ngôn ngữ	Giáo dục Mầm non	
24	Phan Thị Thủy		Thạc sĩ	PPDH Văn học	Giáo dục Mầm non	
25	Lê Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	PPDH Tiếng Việt	Giáo dục Mầm non	
26	Nguyễn Tuấn Nam		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
27	Phùng Thanh Tám		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
28	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
29	Vũ Hữu Cương		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	Giáo dục Mầm non	
30	Mai Thanh Hưng		Đại học	Mỹ Thuật	Giáo dục Mầm non	
31	Lê Thị Thuý Hằng		Thạc sĩ	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
32	Lò Thị Hiền		Đại học	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
33	Lê Tùng		Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Sinh	Giáo dục Mầm non	
34	Nguyễn Thị Phương Thúy		Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Hóa học	Giáo dục Mầm non	
35	Phạm Xuân Cường		Tiến sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
36	Nguyễn Thị Hồng Miên		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng	Giáo dục Mầm non	
37	Phạm Ngọc Cảnh		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
38	Phạm Việt Đức		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
39	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
40	Trần Thị Phương Thanh		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
41	Lê Trọng Hiếu		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
42	Mùa A Hử		Thạc sĩ	Quản lí giáo dục	Giáo dục Mầm non	
43	Mai Đình Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
44	Ngô Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
45	Phan Thị Lung		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
46	Bùi Thị Hậu		Thạc sĩ	Vật lý	Giáo dục Mầm non	
47	Nguyễn Thị Thu Phương		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
48	Phan Thị Lý		Thạc sĩ	Giáo dục cộng đồng	Giáo dục Mầm non	
49	Nguyễn Thị Viên		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
50	Đỗ Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
51	Lò Vũ Điệp		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
52	Đàm Thị Mai Thương		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
53	Phạm Trung Kiên		Đại học	Tâm lý - Giáo dục	Giáo dục Mầm non	
54	Đào Thị Bách		Thạc sĩ	Tâm lý - Giáo dục	Giáo dục Mầm non	
55	Hà Thị Bình		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
56	Phạm Hồng Thái		Thạc sĩ	PPDH sinh học	Giáo dục Mầm non	
57	Nguyễn Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
58	Trương Quốc Huân		Thạc sĩ	PT vi phân	Giáo dục Mầm non	
59	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
60	Bùi Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
61	Nguyễn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
62	Ngô Thị Kim Anh		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
63	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
64	Trần Thị Tuyết		Thạc sĩ	Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
65	Đặng Thái Sơn		Thạc sĩ	Kiểm định chất lượng GD	Giáo dục Mầm non	
66	Nguyễn Thị Tường Vy		Thạc sĩ	Kiểm định chất lượng GD	Giáo dục Mầm non	
67	Dương Thị Phương Lan		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng và TTHCM	Giáo dục Mầm non	
68	Lê Thị Thoi		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng và TTHCM	Giáo dục Mầm non	
69	Nguyễn Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
70	Ngô Thị Yến		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
71	Hà Thị Kim Tuyến		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Chính trị	Giáo dục Mầm non	
72	Nguyễn Tuyết Nhung		Thạc sĩ	PPDH bộ môn tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
73	Lê Thị Hải		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
74	Trần Thị Ngọc Mai		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
75	Giáp Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
76	Lê Thu Hương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
77	Đặng Hải Yến		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Tin học	Giáo dục Mầm non	
78	Đinh Toàn		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Tin học	Giáo dục Mầm non	
79	Đoàn Vĩnh Ngọc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
80	Đỗ Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính	Giáo dục Mầm non	
81	Nguyễn Thị Như Na		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	
82	Phan Đình Lập		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
83	Nguyễn Thị Phương Thúy		Thạc sĩ	PP dạy học tin học	Giáo dục Mầm non	
84	Nguyễn Thị Thủy		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	
85	Nguyễn Trung Kiên		Đại học	Thể dục thể thao	Giáo dục Mầm non	
86	Nguyễn Sơn Hà		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
87	Nguyễn Thị Ly Lan		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
88	Bùi Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục học (TĐTT)	Giáo dục Mầm non	
89	Hà Minh Quang		Thạc sĩ	Giáo dục học (TĐTT)	Giáo dục Mầm non	
90	Lê Thị Thêm		Thạc sĩ	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non	
91	Quảng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non	
92	Đặng Thị Mai		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
93	Trần Thanh Bắc		Thạc sĩ	Việt Nam học	Giáo dục Mầm non	
94	Hoàng Văn Định		Thạc sĩ	Việt Nam học	Giáo dục Mầm non	
95	Trịnh Đức Hạnh		Thạc sĩ	Văn hóa quần chúng	Giáo dục Mầm non	
Tổng số giảng viên:		95				

10.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Không.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường
<http://cdspdienbien.edu.vn/category/tuyen-sinh>.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Đối tượng: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

Điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có sức khỏe để học tập và đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định; thí sinh có nơi thường trú tại tỉnh Điện Biên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

Xét tổng điểm 2 môn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và điểm thi năng khiếu theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) trước khi xét tuyển.

Điểm xét tuyển = (M1 + M2 + M3) + ĐƯT

Trong đó: M1, M2, M3 là điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển; ĐƯT: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12, Trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Xét tổng điểm trung bình môn học cả năm lớp 12 của 2 môn và điểm thi năng khiếu theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) trước khi xét tuyển.

Điểm xét tuyển = (M1 + M2 + M3) + ĐUT

Trong đó: M1, M2, M3 là điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển; ĐUT: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định.

Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu.

Nếu các thí sinh điểm xét tuyển bằng nhau vượt quá chỉ tiêu thì xét tiếp đến điểm môn chính của tổ hợp môn xét tuyển.

Nếu một trong hai phương thức xét tuyển không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu được chuyển sang phương thức còn lại.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 150 chỉ tiêu ngành Giáo dục Mầm non.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát	Toán
		51140201	Giáo dục Mầm non	200	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 THPT	80	Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát	Toán

1.5. Ngưỡng đầu vào

Với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Thực hiện theo ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông: Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 6.5 trở lên.

Điểm thi năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) từ 5 điểm trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác

1.6.1. Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp môn xét tuyển

Mã trường: C62.

Mã ngành: 51140201

Mã tổ hợp môn xét tuyển:

M00: Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát

M05: Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát

M07: Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát

M13: Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát

Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn: Không.

1.6.2. Đối với thí sinh bảo lưu điểm bài thi: Nhà trường sử dụng điểm thi được bảo lưu trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông các năm trước để xét tuyển.

1.6.3. Đăng ký tuyển sinh

Thí sinh đăng ký thi năng khiếu và đăng ký xét tuyển: Trực tuyến.

Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT, Cổng dịch vụ công quốc gia. Thí sinh nộp lại hồ sơ khi đến nhập học.

Thí sinh đăng ký xét tuyển đợt bổ sung (nếu có) nộp hồ sơ xét tuyển gồm:

Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để tải mẫu phiếu);

Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT năm 2024;

Bản sao công chứng giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc học bạ THPT (tuỳ vào phương thức xét tuyển);

Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để tải các mẫu phiếu và xem các nội dung về công tác tuyển sinh.

1.6.4. Địa điểm tư vấn và nhận hồ sơ

Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học (tầng 1, nhà A3), trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên. Tổ dân phố 12, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 02153.828.702 hoặc 0972.527.985; 0912.793.217.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Tổ chức thi năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát)

Thời gian nhận hồ sơ thi năng khiếu: Đến hết ngày 16/5/2024.

Thời gian tổ chức thi năng khiếu: Dự kiến 7 giờ 30 phút ngày 19/5/2024.

Các đợt thi năng khiếu bổ sung (nếu có) Nhà trường sẽ thông báo sau. Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để xem các thông tin thi năng khiếu bổ sung.

1.7.2. Xét tuyển

Thời gian xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 18/7/2024 đến 17 giờ ngày 30/7/2024.

Thời gian xét tuyển: Từ ngày 13/8/2024 đến 17 giờ ngày 17/8/2024.

Thời gian xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường thông báo cụ thể sau. Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để xem các thông tin tuyển sinh bổ sung.

1.7.3. Tổ chức nhập học: Dự kiến ngày 27/8/2024.

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Đối với sinh viên không đăng ký hưởng hỗ trợ tiền sinh hoạt phí 3.630.000 đồng/tháng theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì phải đóng học phí. Mức học phí dự kiến năm học 2024 - 2025 thực hiện theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, tối đa 13.600.000đ/năm học/sinh viên.

Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm học thực hiện theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.12. Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên cam kết giải quyết kịp thời, đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành về khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù: Không.

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (Năm 2023): 50.5 tỉ đồng;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm (năm 2023): 82.8 triệu đồng/sinh viên.

1.15. Các nội dung khác

Chế độ chính sách cho người học: Thực hiện đầy đủ, kịp thời; sinh viên được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí 3.630.000 đồng/tháng và được hỗ trợ tiền học phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (Nếu sinh viên không đăng ký hưởng chế độ hỗ trợ tiền sinh hoạt phí 3.630.000 đồng/tháng thì đóng học phí theo quy định).

Sinh viên được sắp xếp ở trong khu nội trú (Nộp 40.000 đồng/tháng/SV), có công trình phụ khép kín; được sử dụng Wifi miễn phí...

2. Tuyển sinh đào tạo cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM: Không.

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA: Không.

Cán bộ kê khai

Đặng Hải Yến
ĐT: 0972.527.985
Email: yencdspdb@gmail.com

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tuyết Mai